

Bản án số : 16/2020/HNGĐ-ST

Ngày : 28/04/2020

V/v “ Ly hôn ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- * Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà **Nguyễn Thị Hồng Hạnh**
- * Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Thái Cao Bình**
Bà **Nguyễn Thị Kim Liên**
- * Thư ký ghi biên bản phiên tòa :
Bà : **Đoàn Thị Hà** - CBTA.
- * Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa :
Ông : **Bùi Văn Hùng** - KSV.

Hôm nay, ngày 28 tháng 04 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C mở phiên tòa công khai để xét xử vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số : 26/2020/TLST-HNGĐ ngày 10/02/2020 về việc : “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2020/QĐXX-ST ngày 07/04/2020 giữa các đương sự sau :

- * Nguyên đơn : Bà **Nguyễn Thị B** - Sinh năm 1964.
Trú tại : 18 Nguyễn Văn Trỗi - Bãi Giếng N - Cam Đức - C.
(Có mặt)
- * Bị đơn : Ông **Nguyễn Văn T** - Sinh năm 1945.
Trú tại : Thôn Vinh Bình - C - C.
(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày :

Tôi và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C - C.

Tôi và ông T tìm hiểu và đi đến chung sống với nhau không được sự đồng ý của các con (con riêng của ông T và con riêng của tôi), tuy nhiên do hai chúng tôi quyết định đến với nhau nên đi làm đăng ký kết hôn, sau đó hai vợ chồng tôi mặc dù có nhà riêng nhưng không dám ở mà phải đi thuê nhà để ở. Thời gian chung sống giữa tôi và ông T hay xảy ra mâu thuẫn do hai bên không thực sự hiểu và thông cảm cho nhau. Bản thân tôi làm nghề mua bán hàng rau củ nên buổi sáng hay dậy sớm đi lấy hàng, ông T nghi ngờ ghen tuông vô cớ và đã nhiều lần xúc phạm tôi dẫn đến việc hai vợ chồng hay kinh cãi, không có sự hòa hợp. Mỗi lần kinh cãi ông T hay khinh bỉ tôi là người có trình độ thấp và luôn áp đặt tôi vào những việc không có, các con

riêng của ông T cho rằng tôi lấy ông T là để chiếm đất đai của ông nên hay xúc phạm, chửi bới tôi thậm tệ. Bên cạnh đó ông T có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác không rõ ràng, ông T đã nhiều lần hứa và viết cam kết sửa sai nhưng vẫn không thay đổi cách sống, hiện tại giữa tôi và ông T đã sống ly thân (nhà ai nấy ở), tôi không còn tình cảm với ông T nữa nên xin ly hôn.

Về con chung : Chúng tôi không có con chung.

Về tài sản chung : Chúng tôi không có tài sản chung và không có nợ chung.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày :

Về thời gian, địa điểm, hoàn cảnh kết hôn như bà B trình bày là đúng. Sau khi kết hôn tôi và bà B thuê nhà để ở, do các con riêng của tôi và bà B không đồng ý mối quan hệ này nên cuộc sống của hai vợ chồng cũng có những mâu thuẫn làm ảnh hưởng đến hạnh phúc của chúng tôi. Mâu thuẫn phát sinh căng thẳng vào đầu năm 2019 đến nay mà nguyên nhân do bà B không tôn trọng tôi, đi đâu, làm gì bà B cũng không báo cho tôi biết. Bà B luôn dựa vào việc đi lấy hàng sớm để nói dối tôi và có những mối quan hệ tình cảm không lành mạnh với người đàn ông khác nhưng tôi đều tha thứ bỏ qua. Sự việc này tôi không có chứng cứ gì để chứng minh nhưng tôi chỉ linh cảm và nghi ngờ, mỗi lần kinh cãi bà B hay nói hỗn với tôi nên giữa tôi và bà B không tìm được tiếng nói chung. Việc bà B cho rằng tôi có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác là không đúng mà đó chỉ là quan hệ bạn bè, hiện tại giữa tôi và bà B không còn sống chung (nhà ai nấy ở) nhưng tôi vẫn xuống thăm bà B. Nay bà B xin ly hôn, tôi không đồng ý vì tôi muốn giúp đỡ cho bà B có một cuộc sống sung sướng hơn.

Về con chung : Chúng tôi không có con chung.

Về tài sản chung : Chúng tôi không có tài sản chung và không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định :

- Về nội dung : Bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau vào năm 2013 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C - C. Đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống bà B và ông T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nên bà B xin ly hôn, ông T xin đoàn tụ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tòa xét : Việc mâu thuẫn của bà B và ông T xảy ra do cách sống hai bên không phù hợp, hai vợ chồng không có sự tin tưởng nhau, luôn nghi ngờ dẫn đến kinh cãi, xúc phạm nhau không có hạnh phúc. Bản thân ông T cũng thừa nhận rằng vợ chồng có mâu thuẫn xảy ra và ông có viết bản cam kết với bà B nhưng rồi cuộc hôn nhân vẫn không có kết quả tốt đẹp và hiện nay hai vợ chồng đã tự sống ly thân. Tại các lần hòa giải và tại Tòa ông T xin đoàn tụ nhưng không đưa ra được giải pháp nào để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà B được ly hôn ông T là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

- Về con chung : Bà B và ông T không có con chung nên HDXX không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung : Hai bên xác nhận không có và không có nợ chung.

- Về án phí : Bà B phải chịu án phí HNGĐ/ST theo quy định của pháp luật

Vi các lẽ trên !

QUYẾT ĐỊNH :

- * Căn cứ vào điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình.
- * Căn cứ vào 147, 235 Bộ luật tố tụng dân sự.
- * Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử :

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn : Bà **Nguyễn Thị B** được ly hôn ông **Nguyễn Văn T**.

2/ Về con chung : Không có.

3/ Về tài sản chung : Không có và không có nợ chung.

4/ Về án phí : Bà Nguyễn Thị B phải nộp 300.000đ án phí HNGĐ/ST. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà B đã nộp theo biên lai thu tiền số 8035 ngày 06/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :

- Tòa án tỉnh Khánh Hòa
- Viện KSND huyện Cam Lâm
- Các đương sự
- UBND xã C
- Lưu án văn + hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Hạnh